

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Sơn và ông Ngô Hồng Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xét xử B – Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn N1**, sinh năm 1967

HKTT: ấp Trung Lợi, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn:* Bà **Phan Thị N2**, sinh năm 1968

HKTT: ấp 5, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

(*Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn N1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị N2 kết hôn tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn ngày 13/12/1995, số 64, tại UBND xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Cuộc sống chung hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nhận thấy không còn tiếng nói chung và tình cảm vợ chồng nên từ tháng 2 năm 2000 bà N2 bỏ quê Tiền Giang đến xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai sinh sống, từ đó hai người không còn chung sống với nhau. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị N2.

Về con chung: Ông và bà N2 có 01 con chung Phan Phụng Dung, sinh ngày 23/11/1996. Hiện nay con chung Phụng Dung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N2 không đến Tòa án làm việc nên không ghi được lời khai của bị đơn, đồng thời bị đơn không yêu cầu phản tố. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N1. Về hôn nhân: Cho ông N1 được ly hôn với bà N2. Về con chung: có 01 con chung Phan Phụng Dung, sinh ngày 23/11/1996. Hiện nay con chung Phụng Dung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông N1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị N2 thường trú sinh sống tại ấp 5, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Ông N1 yêu cầu ly hôn, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 25/4/2024, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc ông N1 xin ly hôn với bà N2. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông là nguyên đơn, bà N2 là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn bà N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông N1 và bà N2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 64, ngày 13-12-1995 tại UBND xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 05/06/2024, bản tự khai ngày 31/05/2024 thể hiện vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ năm 2000 bà N2 đã mang con gái về sinh sống tại ấp 5, xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và từ đó đến nay 02 người không còn sống chung với nhau. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú thì bà N2 đều biết nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện thái độ bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, ông bà đã không còn tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận nên cho ông N1 được ly hôn với bà N2.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung Phan Phượng Dung, sinh ngày 23/11/1996. Hiện nay con chung Phượng Dung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N2 không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông N1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 40 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn N1.

- Về hôn nhân: Ông Phan Văn N1 được ly hôn với bà Phan Thị N2.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung Phan Phụng Dung, sinh ngày 23/11/1996. Hiện nay con chung Phụng Dung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Ông Phan Văn N1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ ông N1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014355 ngày 25/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông N1 và bà N2 biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, số 64, ngày 13/12/1995 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Lan**

